

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/DS-ST

Ngày: 18-3-2022

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Ánh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Ngọc Diệu

Ông Lê Văn Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Hồ Văn M**, sinh năm: 1960.

Địa chỉ: Ấp 1, xã HN, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông M: Anh **Đỗ Hiệp P**, sinh năm: 1995. Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà **Châu Thị Ngọc T**, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Ấp 5, thị trấn GT, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, anh P, bà T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do quen biết nhau nên ông Hồ Văn M có cho bà Châu Thị Ngọc T vay tiền để làm ăn, các lần vay đều có giấy nợ và đã trả gốc, lãi xong. Riêng 7 (Bảy) lần cho vay sau đây, bà T chưa trả lại cho ông:

Lần 1: Ngày 13/3/2021, 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng.

Lần 2: Ngày 30/3/2021, 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng.

Lần 3: Ngày 05/4/2021, 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng.

Lần 4: Ngày 27/4/2021, 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

Lần 5: Ngày 01/5/2021, 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

Lần 6: Ngày 10/5/2021, 180.000.000 (Một trăm tám mươi triệu) đồng.

Lần 7: Ngày 19/5/2021, ông cho bà T vay 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng.

Tổng cộng 07 lần vay này là 760.000.000 (Bảy trăm sáu mươi triệu) đồng. Mỗi lần cho bà T vay tiền, ông M có lập “GIẤY MƯỢN TIỀN” để cho bà T ký xác nhận. Trong các “GIẤY MƯỢN TIỀN” hai bên không ghi rõ thời hạn thanh toán mà ghi khi nào cần ông M sẽ lấy lại, không ghi lãi suất nhưng hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, lãi đóng hàng tháng, bà T đóng cho ông M được 02 tháng tiền lãi là 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng. Đến tháng 5/2021, dịch bệnh Covid nhiều, bà T ngưng không đóng lãi nữa. Do đó, ông M cho bà T thời hạn 01 tháng để lo trả tiền gốc lại cho ông M nhưng bà T cứ hứa hẹn, bà nói người khác giựt nợ bà rồi đến nay bà không trả tiền cho ông M. Khi khởi kiện, ông M yêu cầu tính lãi nhưng quá trình giải quyết vụ án ông M rút lại yêu cầu này, ông M chỉ yêu cầu bà T trả số tiền gốc là 760.000.000 (Bảy trăm sáu mươi triệu) đồng.

Tại bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Châu Thị Ngọc T trình bày:

Thông qua sự giới thiệu của bà Diễm (ở Bình Hòa), bà có vay tiền của ông M khoảng 12-13 lần để làm ăn. Do vay rất nhiều lần nên bà không nhớ ngày vay cụ thể. Lần đầu tiên, bà vay ông M 5.000.000 đồng, các lần sau đó, mỗi lần bà vay chỉ từ 5.000.000 đồng, 10.000.000 đồng, 20.000.000 đồng, nhiều nhất là 30.000.000 đồng, tổng cộng là 250.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng. Mỗi lần vay tiền, bà có ký tên vào các tờ giấy do ông M đưa nhưng bà không có đọc nội dung. Tuy nhiên, đó là tiền lãi của số tiền 250.000.000 đồng mà bà đã mượn của ông M. Các chữ ký trong “GIẤY MƯỢN TIỀN” mà ông M cung cấp cho Tòa án để kiện bà thì bà thừa nhận có ký và ghi họ tên. Việc bà ký tên là do bị ông M hăm dọa, ép ký chứ bà không có đọc nội dung. Việc giao nhận tiền chỉ có bà và ông M chứ không có ai khác chứng kiến. Bà đã đóng lãi cho ông M được 8 tháng x 25.000.000 đồng/tháng = 200.000.000 đồng thì ngưng không đóng nữa do tình hình dịch bệnh và người khác giựt tiền bà. Do đó, bà đồng ý trả cho ông M 250.000.000 đồng tiền gốc và xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Đối với tiền lãi mà bà đã đóng thì bà không yêu cầu tính lại.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như trên, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án: Đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72, của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự, Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M. Buộc bà T trả cho ông M 760.000.000 đồng tiền gốc.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông M về việc buộc bà T trả cho ông M tiền lãi 27.520.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn ông M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả tiền vay. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[1.2] Bà T là bị đơn trong vụ án hiện cư trú tại ấp 5A, thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tiền gốc: Ông M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả nợ cho ông M số tiền 760.000.000 đồng. Chứng cứ ông M khởi kiện là 07 “GIẤY MƯỢN TIỀN” lập các ngày 13/3/2021, 30/3/2021, 05/4/2021, 27/4/2021, 01/5/2021, 10/5/2021, 21/5/2021 mà bà T ký tên lúc nhận tiền từ ông M. Lúc giao tiền không nói thời hạn trả. Do bà T không đóng lãi như thỏa thuận nên từ tháng 5/2021, ông cho bà T thời hạn 01 tháng để trả tiền lại toàn bộ tiền gốc cho ông nhưng bà T không trả. Vì vậy, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông M khởi kiện yêu cầu bà T trả số nợ trên.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chứng cứ mà ông M khởi kiện bà T là 07 “GIẤY MƯỢN TIỀN” lập các ngày 13/3/2021, 30/3/2021, 05/4/2021, 27/4/2021, 01/5/2021, 10/5/2021, 21/5/2021. Ông M cho rằng bà T ký và ghi họ tên những giấy này trên cơ sở tự nguyện, ông M cũng đã đưa tiền cho bà T nhiều lần, tổng cộng 760.000.000 đồng. Bà T thừa nhận có ký và ghi họ tên vào các “GIẤY MƯỢN TIỀN” nhưng bị ép ký và bà không nhận tiền từ ông M 760.000.000 đồng, bà chỉ nhận nhiều lần tổng cộng là 250.000.000 đồng và cũng đã đóng lãi cho ông M 200.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân

sự năm 2015: “Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”. Do đó, nếu bà T phản đối yêu cầu của ông M thì bà T phải có nghĩa vụ chứng minh bà bị ép ký tên vào “GIẤY MUƠN TIỀN”, số tiền ghi trong các “GIẤY MUƠN TIỀN” là tiền lãi của số tiền 250.000.000 đồng, tiền lãi bà đã đóng cho ông M là 200.000.000 đồng. Tòa án đã giải thích và ấn định thời gian để bà T thực hiện quyền và nghĩa vụ này nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà T không cung cấp, giao nộp chứng cứ để chứng minh lời trình bày của bà. Do đó, Hội đồng xét xử xác định bà T còn nợ ông M số tiền gốc là 760.000.000 đồng.

[2.2] Về tiền lãi: Quá trình giải quyết vụ án, ông M tự nguyện rút lại yêu cầu tính lãi trên số tiền gốc đã cho vay nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này.

Đề nghị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của ông M được chấp nhận nên bà T phải chịu toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; các điều 147, 217, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn M.

Buộc bà Châu Thị Ngọc T có nghĩa vụ trả cho ông Hồ Văn M số tiền nợ vay là 760.000.000 (Bảy trăm sáu mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông M về việc buộc bà T trả cho ông M tiền lãi 27.520.000 (Hai mươi bảy triệu năm trăm hai mươi nghìn) đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Châu Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 34.400.000 (Ba mươi bốn triệu bốn trăm nghìn) đồng $[20.000.000 \text{ đồng} + (360.000.000 \text{ đồng} \times 4\%)] = 34.400.000 \text{ đồng}$.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Ánh